TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do– Hạnh phúc**
Số: 135/2018/QĐST-HNGĐ	T, ngày 21 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trung
2. Ông Nguyễn Phương Tích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 về việc *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐST - HN ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp A, xã BC, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(tất cả có mặt tại Tòa)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2018, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 22/02/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh T cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E (huyện T, tỉnh Bến Tre) vào ngày 11/8/2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau và mất dần hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị và anh T cũng có ngồi lại giải quyết mâu thuẫn và nhờ cha mẹ hai bên khuyên dạy nhưng vẫn không T nên vợ chồng đã sống ly thân được 06 tháng nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị cũng không có tới lui để hàn gắn và hiện nay chị cũng không còn tình cảm với anh T nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/9/2011 hiện đang do anh T nuôi dưỡng nên nay xin ly hôn, chị đồng ý để cháu K cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

.Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án có triệu tập anh Nguyễn Minh T đến tham gia các phiên họp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt.

** Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Nguyễn Minh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé T.

- Về con chung: Anh đồng ý tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/9/2011 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Qua hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, T viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy, tại phiên tòa, hai bên thuận tình ly hôn và thỏa thuận được để cháu K cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó,

căn cứ vào Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

Từ các lời trình bày trên:

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa sơ thẩm.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, chị T và anh T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 213, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé T và anh Nguyễn Minh T. Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01/2009, ngày 11/8/2010 của UBND xã E, huyện T, tỉnh Bến Tre không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Minh T được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/9/2011. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Bé T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3 Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thị Bé T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014515 ngày 11/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Sau khi khấu trừ, chị T còn được nhận lại số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm